

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 04 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Tuấn;
Ông Dương Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên
tòa:** Ông Đặng Trần Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Anh N.** Giới tính: Nam. Sinh ngày 10/12/1984, tại: Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Hải Thanh, xã Phú T, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 11/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Hồ Nguyên H. Đã mất. Con bà: Hồ Thị H. Sinh năm: 1958. Nghề nghiệp: Buôn bán. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ: Trương Thị T. Sinh năm: 1991. Nghề nghiệp: Buôn bán.

Quá trình nhân thân:

- Từ nhỏ sống cùng gia đình tại xã Phú T, huyện Phú V, đi học hết lớp 11/12 thì nghỉ học ở nhà. Đến năm 2008 lập gia đình.

- Ngày 21/9/2017, bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính theo Quyết định số 027644, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 26/12/2017, bị TAND huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án hình sơ thẩm số 41/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/03/2018, về sống cùng gia đình tại xã Phú T cho đến ngày gây án.

Tiền án: 01. (Bản án hình sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 26/12/2017 của TAND huyện Phú V). Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/5/2019, chuyển tạm giam từ ngày 09/5/2019. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Cháu Lê Nguyễn Hương G, sinh năm 2002; trú tại: phường Xuân P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1973, trú tại: phường Tây L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958, trú tại xã Phú T, huyện Phú V. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1978, trú tại thị xã Hương T. Vắng mặt.

5. Chị Hồ Thị Ái T, sinh năm 1991, trú tại xã Quảng T, huyện Quảng Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Đỗ Như C, sinh năm 1963, trú tại xã Phú T, huyện Phú V. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984, trú tại: xã Phú T, huyện Phú V. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn Vũ, sinh năm 1990. Địa chỉ: 36 Lương Ngọc Quyến, phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1993, trú tại phường An H, thành phố H. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Minh T, sinh năm 1994, trú tại: Phường Đ, thành phố H.

4. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991, trú tại: phường Vỹ D, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Trọng Q. sinh năm 1989, trú tại: xã Hương V, thị xã Hương T. Vắng mặt.

6. Anh Đỗ Như H, sinh năm 1991, trú tại: xã Phú T, huyện Phú V.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1995. Địa chỉ: phường Vỹ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: phường Vỹ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Cửu M, sinh năm 1994. Địa chỉ: phường Xuân P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Trương Phước T, sinh năm 1983. Địa chỉ: phường Thuận L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Phúc T, sinh năm 1992. Địa chỉ: phường Phú H, thành phố H. Vắng mặt.

6. Anh Trần Nhật T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: phường Hương A, thị xã Hương T. Vắng mặt.

7. Anh Trần Văn D. Địa chỉ: phường Tây L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Anh Trần Văn C, sinh năm 1987. Địa chỉ: phường Vỹ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Anh Võ Văn T, sinh năm: 1997, trú tại xã Hương V, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Anh Đỗ Quang N, sinh năm 1995 trú tại xã Hương V, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

11. Anh Hồ Văn C, sinh năm 1995, trú tại: xã Hương V, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân. Hồ Anh N đã thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể như sau:

1. Hành vi: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

- **Vụ thứ nhất:** Chiều ngày 08/4/2019, khi đang chơi game tại quán internet ở 14 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Cát, thành phố Huế. Hồ Anh N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của người khác, đem đi cầm để lấy tiền tiêu xài. N điện thoại cho bạn là Phạm Văn L (T, sinh năm 1995, trú tại phường Vỹ D, thành phố H), nói với L là mình có tiền, rủ L chạy qua quán internet ở 14 Mạc Đĩnh Chi, để đi mua ma túy sử dụng chung cho vui.

Sau khi nghe điện thoại của N, L đi bộ ra bến nước O M ở bờ sông Hương, thuộc tổ 20, KV6B, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế thì gặp Nguyễn Văn T (sinh năm 1995, trú tại phường Vỹ D, thành phố H) đang ngồi câu cá với Nguyễn Cử M (sinh năm 1994, trú tại phường Xuân P, thành phố H). Là bạn bè gần nhà nên L nhờ T chở mình đi qua quán internet ở đường Mạc Đĩnh Chi. T hỏi mượn xe máy 75AF-010.44 của M, để chở L đi một lát (xe máy 75AF-010.44 M mượn của cháu Lê Nguyễn Hương G, gọi M là cậu ruột, sinh năm 2002, trú tại phường Xuân P, thành phố H). M đồng ý, T điều khiển xe máy chở L qua quán internet ở

14 Mạc Đình Chi, thì thấy Hồ Anh N đã chờ sẵn ngay trước quán. Lúc này, vào khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi L vừa bước xuống xe thì N nói với L: “Mi cho anh mượn chiếc xe máy để đi mua đồ”, L trả lời: “Xe máy này không phải của em, anh đi qua chỗ thằng bạn em mà mượn”. N đi qua chỗ T đang ngồi trên xe, rồi nói với T: “Mi cho anh mượn chiếc xe máy để đi mua ít đồ”. Cả L và T đều hiểu là N hỏi mượn xe máy để đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Lúc đầu, T chưa đồng ý, nhưng khi nghe L nói biết nhà của N nên T giao chiếc xe máy 75AF-010.44 cho N. L và T vào trong quán internet chơi game hơn 1 tiếng đồng hồ vẫn chưa thấy N quay lại, nên T giục L gọi điện thoại cho N nhiều lần, nhưng không liên lạc được.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe máy 75AF-010.44. Hồ Anh N chạy về hướng đường Nguyễn Gia Thiều, TP Huế để tìm nơi tiêu thụ. Khi ngang qua chợ đầu mối Phú Hậu thì gặp bạn là Trương Phước T (S, sinh năm 1983, trú tại phường Thuận L, thành phố Huế) đang đi xe máy ngược chiều. N nói với T đang kẹt tiền, đây là xe máy của mẹ N, T biết chỗ nào cầm xe thì chỉ giúp. T dẫn N đến quán cà phê ở 02 Tôn Thất Đàm, phường An Hòa, thành phố Huế của Nguyễn Văn V (sinh năm 1990, trú tại phường Tây L, thành phố Huế) để hỏi cầm xe. Do xe không có giấy tờ nên V không đồng ý cầm cố, nhưng cho N mượn 3.000.000 đồng, N để lại xe máy 75AF-010.44 làm tin. Sau đó, T chở giúp N về nhà. Đến khoảng 17 giờ ngày 09/4/2019, N đến gặp V trả tiền lấy lại chiếc xe máy 75AF-010.44 để sử dụng. Sau đó, do cần tiền N lại quay lại gặp V để mượn số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe máy 75AF-010.44 làm tin, rồi không quay lại lấy xe nữa.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận xe máy biển số 75AF-010.44, có giá trị là 11.000.400 đồng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe máy biển số 75AF-010.44 cho cháu Lê Nguyễn Hương G. Hiện cháu và người giám hộ không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Văn V cũng không yêu cầu N phải trả lại số tiền đã mượn là 3.000.000 đồng. (BL 122-123; 140-141; 371-372)

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 17/4/2019, Hồ Anh N nảy sinh ý định đến các điểm cho thuê xe máy để thuê xe, rồi đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. N đi bộ đến Nhà nghỉ Minh G ở phường Phú H, thành phố H, do chị Nguyễn Thị Diệu L (sinh năm 1973, trú tại: phường Tây L, thành phố H làm chủ). N gặp anh Nguyễn Phúc T (sinh năm 1992, nhân viên lễ tân của Nhà nghỉ) hỏi thuê xe máy

trong hai ngày, anh T yêu cầu N đưa giấy Chứng minh nhân dân hoặc Giấy phép lái xe để thuê xe. Do đã chuẩn bị từ trước nên N đưa Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh C (đã nhét được trước đó) và nói dối mình tên là Nguyễn Minh C. Anh T tin tưởng, thống nhất giá tiền thuê xe là 80.000 đồng/ngày, rồi giao xe máy Yamaha Nouvo, biển số 75U1-7343 cho N. N đưa tiền trước 2 ngày thuê xe là 160.000 đồng cho anh T.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe máy, N chạy xe đến nhà bạn là Trần Nhật T (sinh năm: 1993, trú tại phường Hương A, thị xã Hương T) nói dối là xe của mẹ mình để hỏi N cầm cố. Do không có tiền nên T không cầm cố nhưng điện thoại cho bạn của T là Nguyễn Mạnh H (T, sinh năm: 1993, trú phường An H, thành phố H) để hỏi cầm xe giúp N. Sau đó, T dẫn N đưa xe máy 75U1-7343 đến nhà H, N nói với H là xe máy của mẹ N. Do xe không có giấy tờ nên H không đồng ý cầm cố nhưng cho N mượn 2.000.000 đồng, N để xe máy 75U1-7343 lại cho H để làm tin.

Ngày 19/4/2019, N quay lại gặp H trả 2.000.000 đồng và lấy lại xe máy 75U1-7343. N chạy xe máy 75U1-7343 đến nhà nghỉ Minh G gặp anh Trần Văn D (chồng chị L) đưa 160.000 đồng để trả tiền thuê xe cho 02 ngày tiếp theo. Sáng ngày 20/4/2019, N tiếp tục đưa xe máy 75U1-7343 qua gặp H mượn 2.000.000 đồng và để lại xe máy làm tin, rồi sau đó không quay lại lấy xe nữa.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận xe máy Yamaha Nouvo, biển số 75U1-7343 có giá trị là 3.695.180 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe máy biển số 75U1-7343 cho chị Nguyễn Thị Diệu L. Hiện chị L không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Mạnh H cũng không yêu cầu N phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng đã mượn. (BL 196-197; 369-370)

2. Hành vi: “Trộm cắp tài sản”.

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 23 giờ ngày 08/4/2019, Hồ Anh N đi bộ về nhà, khi ngang qua nhà ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1958, trú tại xã Phú T, huyện Phú V). N nảy sinh ý định lẻn vào lấy trộm tài sản. N đột nhập vào nhà chính qua cửa hông không khóa, lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu Toshiba và 01 ăm-ly nhãn hiệu Calidona, rồi mang ra nghĩa trang gần nhà cất giấu.

Sáng ngày 09/4/2019. N ra nghĩa trang lấy ti vi và ăm-ly, rồi gọi xe taxi chở lên Huế tìm chỗ tiêu thụ. N điện thoại cho Trương Phước T, nói ti vi và ăm-ly là của nhà N, nhờ T chỉ chỗ cầm giúp. T đồng ý nên lên xe taxi cùng N đến nhà

Nguyễn Văn M T (sinh năm 1994, trú tại: thành phố H) để hỏi cầm cố. N nói với T đây là đồ của nhà N, do kẹt tiền nên mới cầm cố. Do không tin tưởng nên T không đồng ý cầm cố, nhưng cho N mượn 4.000.000 đồng, N để lại ti vi và âm-ly để làm tin. Sau đó, N lại nhờ T dẫn qua gặp T để mượn thêm 2.000.000 đồng nữa nhưng sau đó không quay lại lấy ti vi và âm - ly nữa.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận: ti vi nhãn hiệu Toshiba có giá trị là 6.472.041 đồng; âm - ly nhãn hiệu Calidona có giá trị là 1.555.500 đồng. Tổng cộng giá trị 02 tài sản là: 8.027.541 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 ti vi nhãn hiệu Toshiba và 01 01 âm-ly nhãn hiệu Calidona cho ông Nguyễn Văn T. Hiện ông T không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Văn Minh T cũng không yêu cầu N phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng đã mượn. (BL 170-171; 367-368).

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 20 giờ ngày 17/4/2019, Hồ Anh N đi bộ ngang qua nhà chị Trần Thị H (sinh năm 1978, trú tại phường Thủy D, thị xã Hương T), phát hiện xe máy Yamaha Jupiter, biển số 75K2-1769 của chị H, dựng trên vỉa hè trước nhà, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe. N lén lút đi đến, bật khóa xe, nổ máy tẩu thoát.

Sau khi lấy trộm được chiếc xe máy 75K2-1769, N tìm nơi cầm cố nhưng không được nên đem xe đến gửi tại nhà xe Bệnh viện Trung ương Huế. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được chiếc xe do nhân viên giữ xe tại nhà xe Bệnh viện Trung ương Huế giao nộp.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Hương T đã kết luận xe máy Yamaha Jupiter, biển số 75K2-1769 có giá trị là 7.350.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe máy biển số 75K2-1769 cho chị Trần Thị H. Hiện chị H không có yêu cầu gì thêm. (BL 214-215; 350; 368)

- **Vụ thứ 3:** Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 18/4/2019, Hồ Anh N điều khiển xe máy Yamaha Jupiter, biển số 75K2-1769, đi đến quầy thuốc tây “Ái T” ở thôn Thanh H, xã Quảng T, huyện Quảng Đ, của chị Hồ Thị Ái T (sinh năm 1991, trú cùng thôn). Khi vào quầy thuốc tây, N giả vờ hỏi mua thuốc, khi chị T quay mặt vào tủ thuốc để lấy thuốc, thì N lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A8 của chị T, đang cắm sạc pin để trên bình nước uống, rồi giấu điện

thoại vào trong túi quần của mình. Do chị T đứng quay lưng lại nên không biết N lấy trộm chiếc điện thoại của mình.

Sau đó, N đem điện thoại di động hiệu Samsung A8 đến quầy mua bán điện thoại di động “Tuấn C” ở 141 Nguyễn Sinh Cung, phường Võ Dạ, thành phố Huế, do anh Nguyễn Thanh T (sinh năm 1991, trú tại: phường Võ D, thành phố H, là người đại diện hộ kinh doanh) bán cho anh Trần Văn C (sinh năm 1987, nhân viên của quầy) được 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ máy điện thoại di động hiệu Samsung A8 do anh Trần Văn C giao nộp.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận chiếc điện thoại di động Samsung A8 có giá trị là 8.992.018 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A8 cho chị Hồ Thị Ái T. Anh Nguyễn Thanh T yêu cầu N phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng khi bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A8. (BL 279-282; 350-351)

- **Vụ thứ 4:** Khoảng 12 giờ ngày 21/4/2019, Hồ Anh N đi bộ đến Tịnh Thất Từ Hoàn ở tổ 9, khu vực 5, phường An Tây, thành phố Huế, phát hiện chiếc xe máy Honda Wave RSX, biển số 75H1-149.81 của ông Đỗ Như C (sinh năm 1963, trú tại xã Phú T, huyện Phú V, đang làm thợ hồ tại tịnh thất), chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa mở cốp xe máy. Do ông C là người ở cùng thôn nên N chào hỏi và giả vờ đi khỏi tịnh thất. Khoảng 30 phút sau, N quay lại, lén lút lấy trộm 01 cái ví của ông Đỗ Như C để trong túi quần đang treo ở móc trước cửa phòng (trong ví có 30.000 đồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Đỗ Như C, 01 Giấy phép lái xe tên Đỗ Như C; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 75H1-149.81 mang tên Đỗ Như H; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 75F8-4725 mang tên Phạm Văn D), tiếp đó N lấy trộm chiếc xe máy biển số 75H1-149.81, dắt xe ra khỏi tịnh thất rồi bật khóa, nổ máy tẩu thoát.

Sau khi lấy trộm được chiếc xe máy, N điều khiển xe đến gặp bạn là Võ Văn T (X, sinh năm: 1997, trú tại xã Hương V, thị xã Hương T), nói xe máy biển số 75H1-149.81 là của N, nhờ T chỉ chỗ cầm cố xe máy. T dẫn N đến gặp anh Đỗ Quang N (sinh năm 1995, trú cùng thôn Địa L). T nói với anh N, N là bạn của T, cứ cho N mượn tiền, nếu N không trả thì T sẽ trả thay, anh N đồng ý nên cho N mượn 5.000.000 đồng. N để lại chiếc xe máy và Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 75H1-149.81 để làm tin, rồi không quay lại lấy xe nữa.

Đến ngày 30/4/2019, do anh N kệt tiền nên điện thoại cho T để đòi lại tiền đã cho N mượn, vì T bảo lãnh cho N mượn tiền. T đi cùng với bạn là Hồ Văn C

(M, sinh năm 1995, trú tại: xã Hương V, thị xã Hương T) đến gặp anh N để lấy lại xe máy biển số 75H1-149.81 và giấy tờ xe, rồi đi đến nhà người quen của C là anh Nguyễn Trọng Q (sinh năm 1989, trú tại: xã Hương V, thị xã Hương T) mượn số tiền 5.000.000 đồng và để lại xe máy 75H1-149.81 cùng giấy tờ xe làm tin. Sau khi mượn được tiền, T đem số tiền 5.000.000 đồng trả lại cho anh N.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy Honda Wave RSX, biển số 75H1-149.81 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe máy do anh Nguyễn Trọng Q giao nộp.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận xe máy Honda Wave RSX, biển số 75H1-149.81 có giá trị là 8.240.950 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT đã ra các Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại xe máy biển số 75H1-149.81 và Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 75H1-149.81 cho anh Đỗ Như H (sinh năm 1991, trú tại: xã Phú T, huyện Phú V, con của ông Đỗ Như C). Trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Như C, 01 Giấy phép lái xe mang tên Đỗ Như C; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 75F8-4725 mang tên Phạm Văn D cho ông Đỗ Như C. Hiện anh H và ông C không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Trọng Q cũng không yêu cầu T phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã mượn. (BL 296-297; 368; 374)

3. Hành vi: “Cướp tài sản”.

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 18/4/2019, N điều khiển chiếc xe máy Yamaha Jupiter, biển số 75K2-1769 đi đến quán cắt tóc “Hương G” ở Tỉnh lộ 10 thuộc địa phận xã Phú Thượng, huyện Phú Vang. N đeo khẩu trang xông thẳng vào phòng nơi chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1984, trú tại: xã Phú T, huyện Phú V) và chị Lê Thị Minh C (sinh năm 1990, trú cùng thôn) đang ngồi ăn cơm. N cầm con dao dài khoảng 40 cm nhặt được trước đó, chỉ vào người chị T đe dọa, rồi nói: “.. tiền đâu ?”. Chị T hoảng sợ với lấy túi xách để lấy tiền. N thấy trong túi xách có tiền nên lấy hết số tiền trong túi. N hỏi tiếp: “Điện thoại đâu?”, chị T, chị C nói không dùng điện thoại. N cầm dao ra xe và dọa: “... tụi bây mà báo công an tao còn quay lại”. Trên đường về, N kiểm đếm số tiền cướp được là 550.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu N phải trả lại số tiền 550.000 đồng. Hiện N chưa hoàn trả. (BL 244-245; 350-351; 359-360)

- **Vụ thứ 2:** Sau khi lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Samsung - A8 của chị Hồ Thị Ái T (Vụ thứ 3). N dùng tay phải rút con dao dài khoảng 40 cm giấu ở trong người ra, dí vào lưng chị T đe dọa và nói “Tiền đâu đưa đây”. Chị T bị dao dí vào lưng hoảng sợ nên chỉ cho N túi xách đựng tiền để trên chiếc chiếu trải dưới nền nhà. N lấy túi xách rồi nhanh chóng ra xe taxi thoát. Khi qua cầu Thanh Hà, thuộc địa phận xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, N vứt dao xuống sông để phi tang. Trên đường về, N lục trong túi xách được 600.000 đồng, rồi vứt lại túi xách dọc đường.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện chị T yêu cầu N phải trả lại 600.000 đồng, hiện N chưa hoàn trả. Riêng đối với chiếc túi xách đã cũ, không còn giá trị nên chị T không yêu cầu bồi thường. (BL 279-282; 350-351)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-P3 ngày 22/12/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 173; khoản 1 điều 174; điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hồ Anh N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ; từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo Hồ Anh N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về Tố Tụng:** Trong vụ án này có một số người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, hơn nữa họ đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn Thành xét xử như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo tại phiên tòa.

[2] **Về Nội dung:** Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Anh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, nên trong khoảng thời gian từ tháng 08/4/2019 đến ngày 21/4/2019, Hồ Anh N đã liên tiếp thực hiện các hành vi Trộm cắp tài sản; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Cướp tài sản, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 08/4/2019; 17/4/2019, Hồ Anh N đã dùng thủ đoạn gian dối, lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy biển số 75 AF-010.44 của anh Nguyễn Văn T và chiếc xe máy biển số 75U1-7343 của chị Nguyễn Thị Diệu L, có tổng giá trị là 14.695.580 đồng.

Hành vi nêu trên của N đã phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

- Vào các ngày 8/4/2019; 17/4/2019; 18/4/2019; 21/4/2019, Hồ Anh N đã lén lút lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu Toshiba; 01 âm-ly nhãn hiệu Calidona của ông Nguyễn Văn T; 01 xe máy biển số 75K2-1769 của chị Trần Thị Huệ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung - A8 của chị Hồ Thị Ái T; 01 xe máy biển số 75H1-149.81 và 30.000 đồng của ông Đỗ Như C, có tổng giá trị là 32.640.509 đồng.

Hành vi nêu trên của N đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Do N không có nghề nghiệp, chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội, liên tiếp thực hiện năm vụ Trộm cắp tài sản, nên phạm vào điểm b, Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

- Vào ngày 18/4/2019, Hồ Anh N đã dùng dao đe dọa khống chế, cướp của chị Nguyễn Thị T 550.000 đồng và chị Hồ Thị Ái T 600.000 đồng, tổng cộng là 1.150.000 đồng.

Hành vi nêu trên của N đã phạm tội: “Cướp tài sản”. Do N sử dụng dao để chiếm đoạt tài sản, nên phạm vào điểm d, Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Hồ Anh N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên dẫn đến việc phạm tội, bị cáo đã từng bị xử lý hành chính và bị Tòa án xử phạt về tội trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã gây mất an ninh trật tự trên địa bàn, gây bức xúc hoang mang lo sợ, cho mọi người dân. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài nhằm đề rắn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo N đã phạm vào 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Phạm tội 02 lần trở lên và Tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi phạm tội bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt trước đây. Chị Hồ Thị Ái T yêu cầu bồi thường số tiền 600.000đồng.

Hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho bị hại. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo N phải bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nói trên.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản cho người bị hại như nêu ở trên. Nay không có ai yêu cầu gì thêm.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 điều 174; điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Anh N, 01** (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Anh N, 02** (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Anh N, 07** (bảy) năm tù về tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tổng hợp hình phạt của ba tội là **10** (mười) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ và tạm giam 03/5/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Hồ Anh N phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Hồ Thị Ái Thi số tiền 600.000đồng.

3, Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Anh N phải chịu 200.000 đồng

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Anh N phải chịu 300.000đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Công an tỉnh TT-Huế;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TT-Huế;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

LA MINH TƯỜNG